

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán, gói thầu

a) Thông tin về dự toán mua sắm

- Tên dự toán mua sắm: Mua dầu động cơ bộ năm 2026 tại Cục HC-KT/QK4;
 - Chủ đầu tư: Cục HC-KT/QK4;
 - Nhà thầu tư vấn đầu thầu: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng Nghệ Tĩnh;
 - Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước;
 - Thời gian thực hiện: Quý II/2026;
 - Địa điểm giao, nhận hàng: Theo chỉ định của Chủ đầu tư (từ Thanh Hóa đến Thừa Thiên Huế);
 - Mục tiêu đầu tư: Mua dầu động cơ bộ đảm bảo hoạt động của Quân khu trong năm 2026.
- b) Thông tin về gói thầu
- Tên gói thầu: Gói thầu MS-01: Mua dầu động cơ bộ năm 2026;
 - Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước;
 - Hình thức, phương thức LCNT: Chào hàng cạnh tranh trong nước qua mạng; 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ;
 - Thời gian tổ chức LCNT: 65 ngày;
 - Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT: Quý II/2026;
 - Loại hợp đồng: Trọn gói;
 - Thời gian thực hiện hợp đồng: 10 ngày;
 - Tùy chọn mua thêm: Không.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật: Gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật cụ thể đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp gói thầu, được yêu cầu cụ thể như sau:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung

- Yêu cầu cho tất cả các hàng hóa: Toàn bộ hàng hóa mới 100%, được sản xuất từ ngày 01/3/2026 đến nay, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 2 Chương V: Yêu cầu kỹ thuật, kèm theo bản cam kết và tài liệu chứng minh của hàng hóa của nhà thầu nộp đính kèm E-HSDT;
- Hàng hoá chào thầu phải thể hiện đầy đủ tên sản phẩm (nếu có) tên nhà sản xuất và xuất xứ; thông số kỹ thuật đặc trưng của nhà sản xuất công bố đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật chi tiết của E-HSMT, nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh sản phẩm đạt phẩm cấp chất

lượng API như (dầu động cơ bộ 20W/50 API: C14 do Viện dầu khí Hoa Kỳ cấp được nhà sản xuất công bố).

- Nhà thầu cung cấp Chứng thư giám định chất lượng sản phẩm chào thầu do đơn vị trực thuộc Tổng cục đo lường chất lượng (nay là Ủy ban tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia) cấp khẳng định chất lượng sản phẩm chào thầu đáp ứng các thông số kỹ thuật yêu cầu.

- Có giấy cam kết và chứng minh năng lực bảo hành chất lượng hàng hóa (Giấy cam kết hỗ trợ kỹ thuật và bảo hành của nhà sản xuất) trong thời gian bảo hành sản phẩm.

- Dầu nhờn trong tất cả các đợt giao hàng phải cùng một lô sản xuất theo từng loại hàng hoá yêu cầu.

- Yêu cầu về hàng hóa tương đương: Nếu nhà thầu chào loại dầu tương đương hoặc tốt hơn theo yêu cầu của E-HSMT thì phải có bảng so sánh chi tiết về thông số kỹ thuật, đặc tính sử dụng cùng các tài liệu kỹ thuật kèm theo để chứng minh cho tính tương đương hoặc tốt hơn của hàng hóa chào thầu;

- Yêu cầu về số lượng và chủng loại: Nhà thầu chào đúng chủng loại hàng hóa theo quy định của E-HSMT;

- Yêu cầu về tiêu chuẩn hàng hóa: Hàng hóa phải được sản xuất, cung ứng, bảo quản theo tiêu chuẩn. Không yêu cầu nhà thầu đính kèm “*Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, đại lý phân phối hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương*” đối với các hàng hóa thông thường, sẵn có trên thị trường;

- Trường hợp Nhà thầu ghi không rõ hoặc bỏ sót thông tin dẫn đến việc không đủ cơ sở xác định hoặc dẫn đến việc hiệu sai khác khi xác định chủng loại, nhà sản xuất, mã hiệu sản phẩm hàng hóa đã đề xuất hoặc dẫn đến việc hàng hóa không đủ điều kiện để nghiệm thu thì khi bị phát hiện ở bất kỳ giai đoạn nào, Nhà thầu sẽ phải thay thế bằng loại khác theo chỉ định của Chủ đầu tư mà không được quyền yêu cầu thêm bất kỳ một khoản chi phí nào khác;

- Nhà thầu đính kèm Phiếu kết quả thử nghiệm chất lượng do các phòng thử nghiệm có đủ điều kiện về năng lực và tư cách pháp nhân được pháp luật chấp nhận công bố và kèm theo Catalogue, trong đó thể hiện đầy đủ thông số kỹ thuật chào thầu cho dầu động cơ bộ để tham chiếu đến danh mục hàng hóa dự thầu (mẫu 12.1 webform trên Hệ thống) theo quy định tại khoản 2 chương V phần này. Trường hợp Catalogue (đối với những loại hàng hóa có catalogue) đính kèm E-HSDT không thể hiện hết thông số kỹ thuật theo yêu cầu E-HSMT hoặc sai khác với nội dung đề xuất theo mẫu 12.1 webform trên Hệ thống thì nhà thầu làm rõ, bổ sung và kèm theo tài liệu pháp lý để chứng minh cho Chủ đầu tư và tổ chuyên gia thấy rằng những thông số kỹ thuật còn thiếu đã được bổ sung trong tài liệu có giá trị pháp lý, nguồn gốc rõ ràng; những sai khác hoặc thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại chương V E-HSMT (theo quy định mục 15 Chương I E-HSMT). Những hàng hóa mà nhà sản xuất không công bố catalogue thì nhà thầu phải mô tả các thông tin yêu cầu kỹ thuật được dẫn chiếu theo từng loại như quy định tại phần 3/1/mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

- Yêu cầu về kiểm tra: Trước khi bàn giao toàn bộ gói thầu, đại diện Chủ đầu tư và nhà thầu cung cấp tiến hành kiểm tra đạt yêu cầu về thông số, chất lượng mới đủ điều kiện để Chủ đầu tư ký biên bản nghiệm thu;

- Yêu cầu về nghiệm thu, đóng gói, vận chuyển, điều kiện khi hậu tại nơi hàng hóa được sử dụng, gồm:

+ Kiểm tra nguồn gốc, xuất xứ và chủng loại hàng hóa, đối chiếu với các tài liệu và catalog (đối với những loại hàng hóa có catalogue) đính kèm, khi đúng số lượng và đảm bảo về nguồn gốc xuất xứ mới đủ điều kiện để Chủ đầu tư ký biên bản nghiệm thu.

+ Kiểm tra chất lượng: Toàn bộ dầu động cơ bán giao phải mới 100%, phải được sản xuất từ 01/3/2026 đến nay kèm theo tài liệu chứng minh; không phải là dầu đã qua sử dụng (đã bơm vào động cơ nhưng sử dụng không hết) các thông số kỹ thuật phải nguyên đai, nguyên kiện, theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất; quy cách, phẩm chất, ký mã hiệu, đặc tính của hàng hóa đúng như mô tả trong tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất cũng như chủng loại đúng như trong hợp đồng đã ký;

+ Nhà thầu phải xem như đã hiểu và chịu trách nhiệm về địa điểm vị trí giao nhận hàng hóa (khuyến khích nhà thầu khảo sát quãng đường vận chuyển) để bố trí phương tiện bơm hút, chứa và vận chuyển đúng yêu cầu kỹ thuật, phù hợp với quãng đường và vị trí kho chứa của từng đơn vị trực thuộc Chủ đầu tư. Đơn giá hợp đồng là giá đã bao gồm vận chuyển, bốc xếp và bàn giao tại các kho có vị trí theo yêu cầu của Chủ đầu tư, địa điểm giao hàng cụ thể được Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực theo quy định của BQP tại khoản 3 Văn bản số 2610/HD-BVAN, tại E-HSMT này không công bố thông tin về địa điểm.

- Yêu cầu về tiến độ cung cấp hàng hóa, gồm:

+ Cung cấp toàn bộ trang thiết bị tối đa trong 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (tối thiểu 05 ngày);

+ Địa điểm giao, nhận: Theo kế hoạch của Chủ đầu tư, dự kiến như sau:

Dự kiến địa điểm giao hàng và số lượng hàng hoá

STT	Địa Điểm giao hàng	Số lượng (Kg)		
		Dầu động cơ 15WS40	Dầu động cơ 20W50	Tổng cộng
1	Địa điểm cách Phường Trường Vinh/Tỉnh Nghệ An 130 km	549,5	2.196,00	2.745,50
2	Địa điểm cách Phường Trường Vinh/Tỉnh Nghệ An 15 km	549,5	3.294,00	3.843,50
3	Địa điểm cách Phường Trường Vinh/Tỉnh Nghệ An 68 km	549,5	3.294,00	3.843,50
4	Địa điểm cách Phường Trường Vinh/Tỉnh Nghệ An 280 km	549,5	915	1.464,50
5	Địa điểm cách Phường Trường Vinh/Tỉnh Nghệ An 353 km	549,5	915	1.464,50
6	Địa điểm cách Phường Trường Vinh/Tỉnh Nghệ An 78 km	549,5	3.477,00	4.026,50
7	Địa điểm cách Phường Trường Vinh/Tỉnh Nghệ An 85 km	549,5	3.477,00	4.026,50
8	Địa điểm cách Phường Trường Vinh/Tỉnh Nghệ An 28 km	549,5	3.477,00	4.026,50
9	Địa điểm cách Phường Trường Vinh/Tỉnh Nghệ An 320 km	549,5	2.562,00	3.111,50
10	Địa điểm cách Phường Trường Vinh/Tỉnh Nghệ An 12 km	549,5	915	1.464,50

Dự kiến địa điểm giao hàng và số lượng hàng hoá

STT	Địa Điểm giao hàng	Số lượng (Kg)		
		Dầu động cơ 15WS40	Dầu động cơ 20W50	Tổng cộng
11	Địa điểm cách Phường Trường Vinh/Tỉnh Nghệ An 220 km	549,5	2.562,00	3.111,50
12	Địa điểm cách Phường Trường Vinh/Tỉnh Nghệ An 13 km	549,5	2.928,00	3.477,50
13	Địa điểm cách Phường Trường Vinh/Tỉnh Nghệ An 230 km	549,5		549,50
14	Địa điểm cách Phường Trường Vinh/Tỉnh Nghệ An 11 km	549,5	2.928,00	3.477,50
15	Địa điểm cách Phường Trường Vinh/Tỉnh Nghệ An 17 km	14.410	17.792,45	32.201,95
16	Địa điểm cách Phường Trường Vinh/Tỉnh Nghệ An 55 km	549,5	2.562,00	3.111,50
17	Địa điểm cách Phường Trường Vinh/Tỉnh Nghệ An 391 km	549,5	2.196,00	2.745,50
18	Địa điểm cách Phường Trường Vinh/Tỉnh Nghệ An 362 km	549,5	3.477,00	4.026,50
19	Địa điểm cách Phường Trường Vinh/Tỉnh Nghệ An 445 km	549,5	915	1.464,50
20	Địa điểm cách Phường Trường Vinh/Tỉnh Nghệ An 40 km	549,5	915	1.464,50
Tổng cộng		24.850,00	60.797,45	85.647,45

b) Yêu cầu khác

- Yêu cầu quy cách đóng gói: Hàng hoá được đóng gói theo đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất (Hàng hóa bao bì phuy phải có mã QR code chống hàng giả theo quy định - có tài liệu chứng minh).

- Giá dự thầu đã bao gồm chi phí bơm hút, vận chuyển, nghiệm thu và bán giao dầu động cơ bộ. Chủ đầu tư chỉ chấp nhận nghiệm thu thanh toán (lần cuối) khi toàn bộ các dầu động cơ bán giao đảm bảo chất lượng, đủ điều kiện nghiệm thu đưa vào sử dụng;

- Yêu cầu về Tài khoản tham gia Hệ thống: Trường hợp trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu mà chưa có kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà thầu có tên trong biên bản mở thầu bị khóa tài khoản theo quy định của pháp luật về đấu thầu thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu không được tiếp tục xem xét, đánh giá theo quy định tại khoản 32 Điều 140 Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

2. Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể: Thông số kỹ thuật của hàng hóa phải tuân thủ hoặc tương đương các nội dung cụ thể sau đây:

Số TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Phương pháp kiểm tra (áp dụng theo tiêu chuẩn)	Chỉ tiêu yêu cầu kỹ thuật
1	Dầu động cơ bộ	Cấp phẩm chất theo API		SN/CF

Số TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Phương pháp kiểm tra (áp dụng theo tiêu chuẩn)	Chỉ tiêu yêu cầu kỹ thuật
2	Dầu động cơ bộ 20W/50	Cấp độ nhớt theo SAE		15W/40
		Khối lượng riêng ở 15°C (g/ml)	ASTM D4052	0,85-0,89
		Độ nhớt động học ở 40°C (cSt)	ASTM D445	100 ÷ 145
		Độ nhớt động học ở 100°C (cSt)	ASTM D445	12,5 ÷ 16
		Chỉ số độ nhớt	ASTM D2270	≥115
		Hàm lượng kẽm (%wt)	ASTM D4951	0,063÷0,077
		Hàm lượng Canxi (%wt)	ASTM D4951	0,069÷0,083
		Hàm lượng Molybdenum (%wt)	ASTM D4951	0,0039÷0,0055
		Hàm lượng tro sunfat (%kl)	ASTM D874	≥ 0,5
		Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	ASTM D92	≥200
		Độ tạo bọt/mức ổn định theo chu kỳ 2 (ml)	ASTM D892	≤50/0
		Ăn mòn tấm đồng (ở 100°C trong 3 giờ)	ASTM D130	Loại 1
		Chỉ số kiềm tổng (mg KOH/g)	ASTM D2896	≥ 6
		Nhiệt độ đông đặc (°C)	ASTM D97	≤-25
		Cặn cơ học (Cặn pentan) (%KL)	ASTM D4055	≤0,1
Tổng hàm lượng tạp chất cơ học (%KL)	ASTM D473	Không có		
Hàm lượng nước (%KL)	ASTM D95	Không có		
Bao bì				
- Quy cách: Can nhựa 4L, Phuy 209 lít bằng thép (mới 100%).				
- Vỏ phuy dày ≥ 0,9 mm				
- Vỏ phuy có 2 gân tăng cứng chính và 8 đến 10 gân tăng cứng phụ				
Cấp phẩm chất API				
Cấp độ nhớt theo SAE				
ASTM D4052				
CI-4				
Cấp độ nhớt theo SAE				
20W/50				
ASTM D4052				
0,84÷0,92				

Số TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	Phương pháp kiểm tra (áp dụng theo tiêu chuẩn)	Chỉ tiêu yêu cầu kỹ thuật
		Độ nhớt động học ở 40°C (cSt)	ASTM D445	145÷210
		Độ nhớt động học ở 100°C (cSt)	ASTM D445	16,5÷21,9
		Chỉ số độ nhớt (cSt)	ASTM D2270	>115
		Hàm lượng kẽm (%wt)	ASTM D4951	0,110÷0,136
		Hàm lượng Canxi (%wt)	ASTM D4951	0,292÷0,358
		Hàm lượng Phot pho (% ki):	ASTM D4951	0,100÷0,127
		Hàm lượng tro sunfat (%kl)	ASTM D874	≥ 1,0
		Nhiệt độ chớp cháy cốc hở (°C)	ASTM D92	>200
		Độ tạo bọt/mức ổn định theo chu kỳ 2 (ml)	ASTM D892	≤50/0
		Ăn mòn tấm đồng (ở 100°C trong 3 giờ)	ASTM D130	Loại 1
		Cặn cơ học (Cặn pentan) (%KL)	ASTM D4055	≤0,1
		Chỉ số kiềm tổng (mg KOH/g)	ASTM D2896	> 7
		Nhiệt độ đông đặc (°C)	ASTM D97	≤ -20
		Tổng hàm lượng tạp chất cơ học (%KL)	ASTM D473	Không có
		Hàm lượng nước (%KL)	ASTM D95	Không có
		Bao bì		
		- Quy cách: Xô 18L, Phuy 209 lít bằng thép (mới 100%).		
		- Vỏ phuy dày ≥ 0,9 mm		
		- Vỏ phuy có 2 gân tăng cứng chính và 8 đến 10 gân tăng cứng phụ		

1.3. Các yêu cầu khác

1.3.1. Văn bản pháp lý để triển khai, thực hiện mua sắm (được đăng tải thành công trên hệ thống)

- Quyết định số 1310/QĐ-HCKT ngày 25/4/2026 của Cục HC-KT/QK4 về phê duyệt KHLCNT danh mục dự toán: Mua dầu động cơ bộ năm 2026 tại Cục HC-KT/QK4;

- Quyết định số 1370/QĐ-HCKT ngày 05/5/2026 của Cục HC-KT/QK4 về phê duyệt E-HSMT gói thầu số MS-01: Mua dầu động cơ bộ năm 2026.

1.3.2. Các luật và văn bản quy định chung: Nhà thầu cập nhật theo quy định hiện hành.

Mục 2. Bản vẽ

Không có.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Nhà thầu và các cán bộ được giao tiếp nhận của Chủ đầu tư lấy mẫu kiểm tra chất lượng khí giao hàng tại các kho của các đơn vị nhân hàng của các lô hàng bất kỳ của Nhà thầu để gửi đến cơ quan chức năng để phân tích, kiểm tra chất lượng; kết quả theo kết luận của cơ quan chức năng (mọi chi phí cho lấy mẫu, thuê cơ quan chức năng phân tích, kiểm tra do nhà thầu chi trả). Nếu có kết quả không đúng theo E-HSMT thì chi phí kiểm tra bổ sung Nhà thầu phải chịu, cũng như mọi chi phí sửa chữa cho tới khi hoàn chỉnh. Hai bên tiến hành lập biên bản nghiệm thu và ký xác nhận làm cơ sở thanh toán;

- Trong lúc chờ kết quả thí nghiệm (chưa đủ điều kiện để nghiệm thu) về các chi phí lưu kho do Nhà thầu chi trả.

